TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/HS- PT
Ngày: 17 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Tuân

Các thẩm phán: 1. Ông Hoàng Văn Giang.

2. Ông Dương Văn Bản.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Mai Loan, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 53/2024/TLPT-HS ngày 06/5/2024 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Đối với các bị cáo:

1. Đới Thị N; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 17/02/1959. Nơi thường trú: xóm K, xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; con ông Đới Văn P (đã chết) và bà Tống Thị T (đã chết); chồng, con: Không có. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án số 40/2015/HSST ngày 01/6/2015 của Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc".

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

2. Vũ Thị P1; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/10/1975. Nơi thường trú: xóm N, xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; con ông Vũ Đình P2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn T1; có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/8/2023, đến ngày 18/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

3. Ngô Đức Q; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/9/1988; Nơi thường trú: xóm K, xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Ngô Đức C và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967; Vợ: Ma Thị Hồ N1, sinh năm 1992. Con: Có 02 con; Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2023 đến ngày 15/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Bảo Lĩnh". (có mặt)

4. Nguyễn Thị L; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 17/5/1967; Nơi thường trú: xóm K, xã P, huyện P, Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Họ và tên cha: Nguyễn Văn D (đã chết); Họ và tên mẹ: Phan Thị N2 (đã chết); Chồng: Triệu Đức N3 (đã chết). Có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2023 đến ngày 28/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Bảo Lĩnh". (có mặt)

Trong vụ án này còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 10/8/2023, tại nhà của Vũ Thị P1 thuộc xóm N, xã Ô, tổ công tác Công an huyện P, phối hợp với Công an xã Ô, phát hiện bắt quả tang Vũ Thị P1 đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức "mua bán số lô, số đề" cho Nguyễn Quyết T2 (sinh năm 1978, trú tại xóm N, xã T, huyện P) và Nịnh Thế V (sinh năm 1990, trú tại xóm C, xã Y, huyện P), tổng số tiền Phương bán số lô, số đề cho T2 và V là 5.130.000 đồng, cụ thể: Vũ Thị P1 bán cho Nguyễn Quyết T2 số lô (06, 09, 24) x 50 điểm/01 số x 23.000đ/01 điểm = 3.450.000đ.

Vũ Thị P1 bán cho N4 Thế Văn số lô (15,51) x 30 điểm/01 số x 23.000đ/01 điểm = 1.380.000đ; Số đề (65, 66, 67) 100.000đ/01 số = 300.000đ.

Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ, niêm phong vật chứng theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Thị P1, Nguyễn Quyết T2, Nịnh Thế V khai nhận như sau: Khoảng 17 giờ ngày 10/8/2023, khi P1 đang bán hàng tại nhà ở xóm N, xã Ô thì V và T2 đến hỏi mua số lô, số đề của P1, P1 đồng ý và đã bán các số lô, số đề sau: Nguyễn Quyết T2 mua số lô: (06, 09, 24) x 50 điểm/01 số x 23.000đ/01 điểm = 3.450.000đ. Nịnh Thế V mua số lô: (15, 51) x 30 điểm/01 số x 23.000đ/01 điểm = 1.380.000đ, số đề: (65, 66, 67): 100.000đ/01 số = 300.000đ. Khi P1 vừa bán số lô, số đề cho T2, V xong thì Tổ công tác Công an huyện P phối hợp với Công an xã Ô đến kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu trên. Ngoài ra, P1 khai nhận đối với số lô, số đề mua, bán hàng ngày với người chơi, P1 sẽ chuyển lại cho Đới Thị N (sinh năm 1959, trú tại xóm K, xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên).

Hồi 21 giờ 30 phút, ngày 10/8/2023, Cơ quan CSĐT đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đới Thị N. Khi bị khám xét, N đã tự nguyện giao nộp 01 điện

thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 sử dụng để trao đổi, mua bán số lô, số đề với Vũ Thị P1. Kiểm tra điện thoại của Đới Thị N, xác định vào ngày 10/8/2023, Đới Thị N bán số lô, số đề cho Vũ Thị P1 cùng 05 người chơi khác, sử dụng các số điện thoại 0339.471.860; 0329.646.024; 0981.041.988; 0339.159.499; 0982.262.822.

Quá trình điều tra xác định:

1. Hành vi đánh bạc của Đới Thị N với Vũ Thị P1: Thống kê các tin nhắn và đối chiếu với kết quả Xổ số miền Bắc mở thưởng trong các ngày từ ngày 29/7/2023 đến ngày 10/8/2023, Đới Thị N sử dụng điện thoại nhãn hiệu Redmi Note 11, lắp sim có số thuê bao 0368.413.809 nhận số lô, số đề qua tin nhắn SMS từ Vũ Thị P1 gửi đến bằng số điện thoại 0333.223.299. Tài liệu điều tra xác định từ ngày 29/7/2023 đến ngày 09/8/2023 Đới Thị N và Vũ Thị P1 đã thực hiện 10 lần đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc là 69.696.000đ (số tiền sử dụng vào việc đánh bạc trong một lần thấp nhất là: 5.425.000 đồng ngày 01/8/2023, cao nhất là 8.244.000đ ngày 09/8/2023). Ngày 10/8/2023 N bán số lô, số đề cho P1 là 2.050.000đ, P1 chưa thanh toán tiền cho N.

2. Hành vi phạm tội đánh bạc của Đới Thị N với Ngô Đức Q: Vào hồi 17 giờ 07 phút ngày 10/8/2023, Ngô Đức Q sử dụng số điện thoại 0981.041.988, nhắn tin SMS đến số điện thoại 0368.413.809 của Đới Thị N để mua các số lô, số đề sau:Số tiền đánh lô: 4.560.000đ; tiền trúng lô: 6.800.000đ; Số tiền đánh đề: 1.030.000đ; tiền trúng đề: 2.100.000đ. Tổng số tiền Q sử dụng để đánh bạc bao gồm số tiền sử dụng để mua số lô, số đề cộng với số tiền Q trúng thưởng: (4.560.000đ + 1.030.000đ) + (6.800.000đ + 2.100.000đ) = 14.490.000đ. (Q và N chưa thanh toán tiền cho nhau).

3. Hành vi phạm tội đánh bạc của Đới Thị N với Nguyễn Thị L: Hồi 17 giờ 10 phút ngày 10/8/2023, Nguyễn Thị L sử dụng số điện thoại 0329.646.024 nhắn tin vào số điện thoại 0368.413.809 của Đới Thị N để mua bán các số lô, số đề, tổng số tiền là 3.677.000 đồng; tiền trúng lô, đề: 1.440.000đ. Tổng số tiền L sử dụng để đánh bạc là 5.117.000 đồng. (L và N chưa thanh toán tiền cho nhau)

4. Hành vi đánh bạc của Vũ Thị P1 với các đối tượng khác: Tiến hành kiểm tra điện thoại của Vũ Thị P1, thống kê các tin nhắn và đối chiếu với kết quả Xổ số miền Bắc mở thưởng trong các ngày từ ngày 29/7/2023 đến ngày 10/8/2023, Vũ Thị P1 đã thực hiện hành vi đánh bạc với nhiều người khác nhưng số tiền đánh bạc đều dưới 5.000.000 đồng, được nêu cụ thể trong bản án sơ thẩm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố các bị cáo Đới Thị N, Vũ Thị P1, Ngô Đức Q, Nguyễn Thị L, phạm tội "*Đánh bạc"*.

1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 17 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt: Bị cáo Đới Thị N 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án. Phạt bổ sung: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 17 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị P1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 10/8/2023, đến ngày 18/8/2023. Phạt bổ sung: 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 17 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Ngô Đức Q 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung: 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền dùng đánh bạc: 5.357.000 đồng.

- Truy thu số tiền thu lời bất chính đối với bị cáo Vũ Thị P1: 4.104.500 đồng.

- Tạm giữ của Vũ Thị P1 số tiền: 12.580.000 đồng; của Đới Thị N: 6.000.000 đồng; của Nguyễn Thị L: 3.285.000 đồng, để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Tại Quyết định kháng nghị số 151/QĐ – VKS (P7) ngày 02/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên thay đổi nội dung kháng nghị, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa bản án hình sự sơ thẩm về nhận định số tiền đánh bạc đối với bị cáo N, số lần đánh bạc đối với bị cáo P1 ngày 10/8/2023 và quyết định áp dụng biện pháp tư pháp truy thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, sửa việc áp dụng điều 17 Bộ luật tố tụng hình sự thành Điều 17 Bộ luật hình sự, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, sửa phần quyết định xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc 5.357.000 đồng thành 5.375.000 đồng.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa:

Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi phạm tội, vi phạm, thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung quyết định kháng nghị phúc thẩm và việc

thay đổi nội dung kháng nghị, đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự Chấp nhận kháng nghị số 151 ngày 02/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương về nhận định số tiền đánh bạc đối với bị cáo N, số lần đánh bạc đối với bị cáo P1 ngày 10/8/2023 và quyết định áp dụng biện pháp tư pháp truy thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, gồm: Bị cáo Đới Thị N phải nộp số tiền 45.416.000 đồng, bị cáo Vũ Thị P1 phải nộp số tiền 42.313.000 đồng, bị cáo Ngô Đức Q phải nộp số tiền 5.590.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 3.677.000 đồng; sửa phần quyết định xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc 5.357.000 đồng thành 5.375.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung, tiền án phí cũng như tiền sử dụng vào việc đánh bạc của các bị cáo tại cấp phúc thẩm theo các biên lai nộp tại Chi cục THADS huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Về quyết định hình phạt cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và sửa việc áp dụng Điều 17 Bộ luật tố tụng hình sự thành Điều 17 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị số 151/QĐ-VKS-P7 ngày 02/5/2024 của VKSND tỉnh Thái Nguyên được ban hành đúng thời hạn tố tụng, đã tống đạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa VKSND tỉnh Thái Nguyên thay đổi kháng nghị, các bị cáo đều nhất trí.

[2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:

- Về tội danh: Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm các bị cáo Đới Thị N, Vũ Thị P1, Nguyễn Thị L, Ngô Đức Q thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Tuy nhiên bản án sơ thẩm xác định số tiền Đới Thị N sử dụng vào việc đánh bạc ngày 10/8/2023 là chưa chính xác, cụ thể: Ngày 10/8/2023 Đới Thị N với vai trò là chủ đề bán số lô, số đề cho Ngô Đức Q 14.490.000 đồng, bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị L 5.117.000 đồng, bán số lô, số đề cho Vũ Thị P1, thể hiện ở việc P1 đã nhắn tin mua số lô, số đề vào 16 giờ 58 phút 45 giây và 16 giờ 46 phút 44 giây, bị cáo N nhắn tin đồng ý với P1 lúc 18 giờ 03 phút 6 giây (chưa thanh toán tiền cho nhau), nhưng cấp sơ thẩm chỉ truy tố, xét xử buộc N phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền đánh bạc với Q, L mà không xem xét đối với P1 là chưa đầy đủ.

Đối với hành vi phạm tội của Vũ Thị P1 ngày 10/8/2023: Hồi 17 giờ 30 phút ngày 10/8/2023 P1 bị bắt quả tang khi vừa bán số lô, số đề cho Nguyễn Quyết T2,

Nịnh T số tiền là 5.130.000 đồng. Ngoài ra, trong ngày 10/8/2023 P1 còn bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại cho Nguyễn Văn L1 138.000 đồng, Nguyễn Văn C1 245.000 đồng, Liêu Thanh V1 375.000 đồng. Tổng số tiền Phương dùng vào việc đánh bạc ngày 10/8/2023 với T2, V1, L1, C1 và Thanh V1 là 5.888.000 đồng. Hành vi phạm tội của P1 đã được khởi tố, điều tra, diễn biến hành vi phạm tội được nêu trong cáo trạng, bản án sơ thẩm nhưng khi quy kết số lần phạm tội lại không quy kết lần phạm tội ngày 10/8/2023 là chưa đầy đủ.

- Quyết định biện pháp tư pháp tịch thu, truy thu sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo chưa đúng quy định của pháp luật: Theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự thì số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, gồm số tiền các bị cáo dùng để mua số lô, số đề và số tiền trúng lô, đề được xác định là tiền dùng vào việc phạm tội phải được tịch thu sung quỹ Nhà nước. Nhưng trong vụ án này, cấp sơ thẩm chỉ quyết định truy thu đối với tiền thu lời bất chính của bị cáo P1 4.104.500 đồng, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc 5.375.000 đồng (gồm tiền của P1 khi bị bắt quả tang 5.130.000 đồng, tiền 245.000 đồng do C1 nộp) mà không quyết định truy thu số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo Đới Thị N, Vũ Thị Phương Ngô Đức Q1, Nguyễn Thị L từ ngày 29/7/2023 đến ngày 10/8/2023 là không đúng.

Ngoài ra, tại phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 17 Bộ luật tố tụng hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo là không chính xác.

Sau khi nhận được Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, trước khi xét xử phúc thẩm, các bị cáo trong vụ án đều tự nguyện nộp số tiền đã sử dụng vào việc đánh bạc, tiền phạt bổ sung, tiền án phí để sung quỹ Nhà nước nên các bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Mặc dù việc cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ số tiền dùng vào việc đánh bạc đối với bị cáo N và quy kết thiếu số lần đánh bạc ngày 10/8/2023 đối với bị cáo P1 nhưng khi cấp phúc thẩm buộc các bị cáo N, P1 phải chịu trách nhiệm hình sự đầy đủ về số tiền, số lần đánh bạc cũng không làm thay đổi khung, khoản, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của điều luật đã được áp dụng. Mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo cũng đã đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Số tiền bị cáp P1 dùng vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang ngày 10/8/2023 là 5.130.000đ và số tiền Nguyễn Văn C1 đánh bạc với P1 ngày 10/8/2023 là 245.000đ đã tạm giữ khi bắt quả tang, cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước, do vậy ngoài số tiền đánh bạc cấp sơ thẩm đã xác định đối với bị cáo N, số lần đánh bạc với bị cáo P1, cần sửa bán án sơ thẩm thẩm về nhận định số tiền đánh bạc của bị cáo N, số lần đánh bạc đối với bị cáo P1 ngày 10/8/2023, cụ thể: Số tiền bị cáo Đới Thị N sử dụng vào việc đánh bạc ngày 10/8/2023 là 21.567.000 đồng (trong đó số tiền đánh bạc với Ngô Đức Q1 là 14.490.000 đồng; đánh bạc với Nguyễn Thị L là 5.117.000 đồng; đánh bạc với Vũ Thị P1 là 2.050.000 đồng). Ngày 10/8/2023 bị cáo Vũ Thị P1 đánh bạc với Nguyễn Quyết T2 3.450.000 đồng; với Nịnh Thế Văn 1.680.000 đồng; với Nguyễn Văn L1 138.000 đồng; với Nguyễn Văn C1 245.000 đồng; với Liêu Thanh V1 375.000 đồng. Tổng số tiền Phương dùng vào việc đánh bạc là 5.888.000 đồng; Quyết định áp dụng biện pháp tư pháp truy thu sung quỹ

Ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội đánh bạc, cụ thể: Bị cáo Đới Thị N phải nộp số tiền 45.416.000đ; bị cáo Vũ Thị P1 phải nộp số tiền 42.313.000đ; bị cáo Ngô Đức Q1 phải nộp số tiền 5.590.000đ; bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 3.677.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung, tiền án phí cũng như tiền sử dụng vào việc đánh bạc của các bị cáo.

Về quyết định hình phạt cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và sửa việc áp dụng Điều 17 Bộ luật tố tụng hình sự thành Điều 17 Bộ luật hình sự, sửa phần quyết định xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc 5.357.000 đồng thành 5.375.000 đồng.

Việc sửa bản án sơ thẩm theo những nội dung trên đã khắc phục được thiểu sót của cấp sơ thẩm và giải quyết được toàn diện vụ án.

[3] Từ những phân tích trên thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc thay đổi kháng nghị số 151/QĐ-VKS - P7, ngày 02/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về hình phạt:

1.1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đới Thị N 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án. Phạt bổ sung: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

1.2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Thị P1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án. Được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 10/8/2023, đến ngày 18/8/2023. Phạt bổ sung: 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)

1.3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Ngô Đức Q1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

1.4. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 09 (chín)

tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Giao bị cáo Ngô Đức Q1 cho Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng vụ án và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền: 5.375.000 đồng.

- Truy thu đối với bị cáo Vũ Thị P1 số tiền: 42.313.000 đồng.

- Truy thu đối với Đới Thị N số tiền: 45.416.000 đồng.

- Truy thu đối với Nguyễn Thị L số tiền: 3.677.000 đồng.

- Truy thu đối với Ngô Đức Q1 số tiền: 5.590.000 đồng.

- Tạm giữ của Đới Thị N: 6.000.000 đồng; của Vũ Thị P1 số tiền: 12.580.000 đồng và 03 điện thoại di động; của Nguyễn Thị L: 3.285.000 đồng, để đảm bảo thi hành án.

Ghi nhận các bị cáo đã nộp tiền cụ thể:

- Bị cáo Đới Thị N đã nộp số tiền: 59.616.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002184, ngày 07/6/2024 và biên lai số 0002194, ngày 15/7/2024 của Chi cục THADS huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị cáo Vũ Thị P1 đã nộp số tiền: 16.724.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002185, ngày 07/6/2024 của Chi cục THADS huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị cáo Nguyễn Thị L đã nộp số tiền: 10.592.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002192, ngày 12/7/2024 của Chi cục THADS huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị cáo Ngô Đức Q1 đã nộp số tiền: 15.790.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002193, ngày 12/7/2024 của Chi cục THADS huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Lương;
- Công an huyện Phú Lương;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án và Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuân

Nơi nhận:
- VKSND T. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TPTN;
- TAND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuân